

Số: 72/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trao Học bổng UIT Global
Tháng 2 – năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-ĐHCNTT ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc triển khai học bổng UIT Global;

Căn cứ Biên bản họp xét học bổng UIT Global tháng 2 – 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay trao học bổng cho 153 sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu của học bổng UIT Global. Danh sách chi tiết và giá trị học bổng theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban chức năng có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. //

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG UIT GLOBAL
Tháng 2 - 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 72/QĐ-ĐHCNTT, ngày 16 tháng 02 năm 2022)

STT	MSSV	HỌ TÊN	KHOA	CHỨNG CHỈ	TỔNG ĐIỂM	GIÁ TRỊ HỌC BỔNG
1	18520212	Nguyễn Xuân Dương	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
2	18520922	Nguyễn Anh Khoa	KHMT	IELTS	7.5	15,000,000
3	18520997	Trần Quang Linh	KTTT	IELTS	7.5	15,000,000
4	18521168	Trần Nguyễn Thanh Nguyên	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
5	18521348	Lưu Hoàng Sơn	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
6	19520208	Huỳnh Phương Như	KHMT	IELTS	7.5	15,000,000
7	19520624	Hồ Chung Đức Khánh	KHMT	IELTS	7.5	15,000,000
8	19522052	Bùi Như Phước	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
9	19522519	Võ Tấn Việt	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
10	21520027	Đặng Quang Hải	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
11	21520107	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	KTTT	IELTS	7.5	15,000,000
12	21520146	Phạm Thị Trâm Anh	KHMT	IELTS	7.5	15,000,000
13	21520152	Mai Hoàng Gia Bảo	KTMT	IELTS	6.0	5,000,000
14	21520166	Trần Minh Chính	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
15	21520167	Lý Hồng Chương	KTMT	IELTS	7.5	15,000,000
16	21520186	Lê Thị Ngọc Diễm	MMT&TT	IELTS	7.0	7,000,000
17	21520217	Nguyễn Thị Ngọc Hà	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
18	21520242	Phan Huy Hoàng	KHMT	IELTS	7.0	7,000,000
19	21520244	Vũ Minh Hoàng	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
20	21520253	Nguyễn Quốc Hưng	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
21	21520266	Trần Đức Huy	MMT&TT	IELTS	6.0	5,000,000
22	21520282	Bùi Hạ Khánh	KHMT	IELTS	7.5	15,000,000
23	21520305	Phan Đăng Khôi	KTMT	IELTS	8.0	15,000,000
24	21520309	Tạ Thúc Trung Kiên	MMT&TT	IELTS	5.5	5,000,000
25	21520389	Phan Cả Phát	KTTT	IELTS	6.0	5,000,000

STT	MSSV	HỌ TÊN	KHOA	CHỨNG CHỈ	TỔNG ĐIỂM	GIÁ TRỊ HỌC BỔNG
26	21520398	Nguyễn Quế Phong	KHMT	IELTS	5.5	5,000,000
27	21520420	Đoàn Hữu Quốc	MMT&TT	IELTS	8.0	15,000,000
28	21520421	Nguyễn Trần Bảo Quốc	MMT&TT	IELTS	7.0	7,000,000
29	21520474	Lê Hoài Thương	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
30	21520530	Hồ Văn Vinh	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
31	21520569	Nguyễn Đông Anh	KHMT	IELTS	5.5	5,000,000
32	21520587	Phạm Trâm Anh	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
33	21520595	Trần Phương Anh	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
34	21520611	Nguyễn Cao Quốc Bảo	CNPM	IELTS	7.5	15,000,000
35	21520621	Ninh Thiên Bảo	HTTT	IELTS	7.0	7,000,000
36	21520648	Nguyễn Đình Minh Chí	KHMT	IELTS	7.0	7,000,000
37	21520652	Lưu Minh Chủ	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
38	21520668	Nguyễn Huy Cường	CNPM	IELTS	7.0	7,000,000
39	21520696	Hoàng Tiến Đạt	KHMT	IELTS	7.0	7,000,000
40	21520707	Nguyễn Tiến Đạt	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
41	21520708	Nguyễn Trí Đạt	KTMT	IELTS	6.0	5,000,000
42	21520722	Phan Văn Đô	MMT&TT	IELTS	7.0	7,000,000
43	21520733	Thái Minh Đức	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
44	21520765	Bùi Anh Duy	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
45	21520872	Phạm Bá Hoàng	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
46	21520881	Ngô Công Huân	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
47	21520888	Lê Huy Hùng	MMT&TT	IELTS	5.5	5,000,000
48	21520890	Lê Nguyễn Gia Hưng	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
49	21520899	Nguyễn Văn Sỹ Hùng	KHMT	IELTS	8.0	15,000,000
50	21520905	Nguyễn Thị Thu Hương	KTTT	IELTS	6.0	5,000,000
51	21520979	Nguyễn Duy Khanh	KTMT	IELTS	7.0	7,000,000
52	21520988	Lê Quý Khiêm	CNPM	IELTS	7.0	7,000,000
53	21520997	Nguyễn Đình Khoa	CNPM	IELTS	7.5	15,000,000
54	21521007	Đỗ Minh Khôi	KHMT	IELTS	5.5	5,000,000
55	21521009	Nguyễn Nguyên Khôi	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
56	21521057	Nguyễn Quang Lâm	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
57	21521060	Trần Thái Nhật Lâm	KTMT	IELTS	5.5	5,000,000
58	21521068	Trương Tuấn Lâm	KTMT	IELTS	6.5	7,000,000

STT	MSSV	HỌ TÊN	KHOA	CHỨNG CHỈ	TỔNG ĐIỂM	GIÁ TRỊ HỌC BỔNG
59	21521077	Nguyễn Đặng Phương Linh	HTTT	IELTS	6.5	7,000,000
60	21521088	Ngô Cao Lộc	KHMT	IELTS	5.5	5,000,000
61	21521129	Ngô Võ Quang Minh	KTTT	IELTS	7.0	7,000,000
62	21521176	Nguyễn Thị Thảo Ngân	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
63	21521207	Trần Khôi Nguyên	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
64	21521232	Nguyễn Thanh Nhi	KTTT	IELTS	7.5	15,000,000
65	21521253	Lê Hoàng Oanh	MMT&TT	IELTS	7.5	15,000,000
66	21521291	Nguyễn Hồng Phúc	KTTT	IELTS	5.5	5,000,000
67	21521296	Phan Hoàng Phúc	KTMT	IELTS	6.0	5,000,000
68	21521297	Phùng Thiên Phúc	HTTT	IELTS	7.5	15,000,000
69	21521314	Võ Phương Phương	KTTT	IELTS	7.0	7,000,000
70	21521386	Lê Xuân Sơn	MMT&TT	IELTS	7.5	15,000,000
71	21521392	Huỳnh Phước Tài	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
72	21521399	Trần Đại Anh Tài	KTMT	IELTS	6.0	5,000,000
73	21521450	Trần Công Thành	MMT&TT	IELTS	7.5	15,000,000
74	21521456	Hồ Thị Thanh Thảo	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
75	21521462	Nguyễn Phước Thiện	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
76	21521475	Trần Phúc Thịnh	HTTT	IELTS	7.5	15,000,000
77	21521536	Hồ Trung Tín	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
78	21521538	Nguyễn Ngọc Tín	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
79	21521569	Nguyễn Thanh Tri	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
80	21521593	Nguyễn Thành Trung	CNPM	IELTS	7.5	15,000,000
81	21521629	Ngô Anh Tuấn	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
82	21521672	Lâm Huỳnh Việt	KTMT	IELTS	6.0	5,000,000
83	21521812	Nguyễn Thành Thiện Ân	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
84	21521823	Lý Thanh Tú Anh	CNPM	IELTS	7.0	7,000,000
85	21521827	Nguyễn Bá Kỳ Anh	CNPM	IELTS	7.5	15,000,000
86	21521836	Nguyễn Trần Phương Anh	KTMT	IELTS	7.0	7,000,000
87	21521844	Lê Hữu Bách	HTTT	IELTS	7.0	7,000,000
88	21521845	Lương Toàn Bách	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
89	21521854	Nguyễn Hoàng Bảo	KTMT	IELTS	6.0	5,000,000
90	21521862	Trần Gia Bảo	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
91	21521863	Trần Gia Bảo	CNPM	IELTS	7.5	15,000,000

STT	MSSV	HỌ TÊN	KHOA	CHỨNG CHỈ	TỔNG ĐIỂM	GIÁ TRỊ HỌC BỔNG
92	21521920	Nguyễn Hải Đăng	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
93	21521923	Trần Nguyễn Hồng Đăng	KTTT	IELTS	5.0	5,000,000
94	21521931	Đỗ Quốc Đạt	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
95	21521933	Đoàn Tiến Đạt	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
96	21521944	Nguyễn Tiến Đạt	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
97	21521964	Nguyễn Trần Anh Đức	MMT&TT	IELTS	7.0	7,000,000
98	21521969	Trịnh Đức	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
99	21521978	Nguyễn Tấn Dũng	KTTT	IELTS	5.5	5,000,000
100	21521979	Nguyễn Xuân Dũng	KTMT	IELTS	7.0	7,000,000
101	21522017	Trần Thị Mỹ Duyên	KTTT	IELTS	6.0	5,000,000
102	21522029	Nguyễn Sơn Hà	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
103	21522040	Vũ Bảo Hân	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
104	21522099	Phạm Ngọc Hoàng	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
105	21522100	Tô Duy Nguyên Hoàng	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
106	21522104	Vũ Huy Hoàng	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
107	21522133	Võ Hữu	CNPM	IELTS	5.5	5,000,000
108	21522136	Đinh Nhật Huy	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
109	21522167	Trần Đình Huy	MMT&TT	IELTS	6.0	5,000,000
110	21522168	Trần Minh Huy	KTTT	IELTS	6.5	7,000,000
111	21522174	Đào Bích Huyền	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
112	21522195	Nguyễn Toàn Khang	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
113	21522202	Vũ Xuân Khang	MMT&TT	IELTS	6.5	7,000,000
114	21522217	Trần Trọng Khiêm	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
115	21522225	Lý Tuấn Khoa	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
116	21522230	Nguyễn Phan Khoa	KTMT	IELTS	5.5	5,000,000
117	21522233	Trần Anh Khoa	KTMT	IELTS	5.5	5,000,000
118	21522242	Bùi Khắc Kiên	MMT&TT	IELTS	6.0	5,000,000
119	21522271	Mạch Tuấn Lạc	KTMT	IELTS	7.5	15,000,000
120	21522320	Nguyễn Bùi Thanh Mai	KHMT	IELTS	7	7,000,000
121	21522338	Lê Nguyễn Nhật Minh	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
122	21522342	Nguyễn Hải Minh	CNPM	IELTS	6.0	5,000,000
123	21522349	Vũ Hoàng Nhật Minh	CNPM	IELTS	8.0	15,000,000
124	21522375	Lương Hồ Trọng Nghĩa	MMT&TT	IELTS	6.0	5,000,000

STT	MSSV	HỌ TÊN	KHOA	CHỨNG CHỈ	TỔNG ĐIỂM	GIÁ TRỊ HỌC BỔNG
125	21522409	Tạ Thành Nhân	MMT&TT	IELTS	7.5	15,000,000
126	21522442	Lê Thành Phát	KTTT	IELTS	5.5	5,000,000
127	21522455	Võ Như Phi	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
128	21522468	Bùi Đăng Phúc	KHMT	IELTS	6.5	7,000,000
129	21522482	Nguyễn Thanh Bảo Phước	MMT&TT	IELTS	7.5	15,000,000
130	21522494	Nguyễn Hoàng Quân	KHMT	IELTS	5.5	5,000,000
131	21522499	Nguyễn Trần Đình Quân	KHMT	IELTS	7.0	7,000,000
132	21522500	Nguyễn Trần Hoàng Quân	KHMT	IELTS	7.0	7,000,000
133	21522559	Trương Hữu Trường Sơn	KTMT	IELTS	7.0	7,000,000
134	21522565	Nguyễn Công Tài	CNPM	IELTS	5.5	5,000,000
135	21522582	Trần Duy Thái	KTTT	IELTS	6.0	5,000,000
136	21522591	Nguyễn Quang Thắng	MMT&TT	IELTS	8.0	15,000,000
137	21522592	Nguyễn Trần Hội Thắng	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
138	21522595	Lê Đào Xuân Thành	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
139	21522652	Tổng Võ Anh Thuận	MMT&TT	IELTS	8.0	15,000,000
140	21522665	Nguyễn Hồng Cát Thy	KTTT	IELTS	6.0	5,000,000
141	21522673	Trần Quang Tiến	KTTT	IELTS	7.5	15,000,000
142	21522694	Lê Thị Huyền Trang	MMT&TT	IELTS	6.0	5,000,000
143	21522706	Nguyễn Minh Trí	KHMT	IELTS	5.5	5,000,000
144	21522708	Phạm Phương Minh Trí	KTMT	IELTS	6.5	7,000,000
145	21522766	Vũ Anh Tuấn	KTMT	IELTS	7.5	15,000,000
146	21522774	Nguyễn Khánh Tường	KTTT	IELTS	7.0	7,000,000
147	21522776	Trịnh Kiên Tường	KTTT	IELTS	5.5	5,000,000
148	21522777	Trương Quang Tường	KTTT	IELTS	5.5	5,000,000
149	21522795	Đỗ Lập Trường Vũ	HTTT	IELTS	6.0	5,000,000
150	21522797	Lê Huỳnh Quang Vũ	MMT&TT	IELTS	6.0	5,000,000
151	21522801	Nguyễn Quang Vũ	KHMT	IELTS	6.0	5,000,000
152	21522810	Huỳnh Thị Nhật Vy	CNPM	IELTS	6.5	7,000,000
153	21522812	Nguyễn Triệu Vy	HTTT	IELTS	5.5	5,000,000
TỔNG CỘNG: Một tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu đồng./.						1,165,000,000

Danh sách gồm 153 sinh viên